

Bản án số: 22 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2024
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh và ông Bá Đình Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Minh Thị Thu Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2024, đối với các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lý Công S**, sinh năm 1994

Địa chỉ: **Thôn H, xã H, huyện B, Bình Thuận**

- Bị đơn: Chị **Vòng Hồi K**, sinh năm 1992

Địa chỉ: **Thôn H, xã H, huyện B, Bình Thuận**

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Nguyên đơn anh Lý Công S trình bày:** Anh **S** và chị **Vòng H** Khên sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận** vào ngày 07/8/2017. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do chị **K** có quan hệ với bất chính với người đàn ông khác và có đứa con riêng. Nay anh **S** không thể chấp nhận được sự việc như vậy và không còn tình cảm với chị **K** nên đã làm đơn yêu cầu tòa giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị **Vòng Hồi K**.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Lý Trung K1**, sinh ngày 07/01/2018. Hiện nay cháu **K1** đang sống với anh **S** nên anh **S** có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con. Không yêu cầu chị **K** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn chị **Vòng H** Khênh có làm bản tự khai trình bày về quá trình kết hôn và chung sống như anh **S** đã trình bày. Chị **K** xác định không còn tình cảm với anh **S**, đồng ý ly hôn với anh **S**. Đồng ý giao con **Lý Trung K1** cho anh **S** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **K** không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Chị **K** có làm đơn đề nghị Tòa không tiến hành hòa giải vì chị đang đi làm ăn xa, điều kiện đi lại khó khăn

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238 BLTTDS năm 2015; Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, anh **Lý C** Sáng được ly hôn với chị **Vòng H** K.

- Về con chung: Giao con chung tên **Lý Trung K1** (sinh ngày 07/01/2018) cho anh **L** Công Sáng chăm sóc nuôi dưỡng, anh **S** không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Chị **Vòng H** Khênh được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không bị ai cản trở.

- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét yêu cầu và ý kiến của đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh **L** Công Sáng có yêu cầu ly hôn với chị **Vòng H** K và yêu cầu nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại **xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt

nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh **Lý Công S** và chị **V** Hôi Khênh là hợp pháp.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn anh lý **Công S** vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị **Vòng Hôi K**. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh sáng và chị **K** đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. Anh **S** và chị **K** đã sống ly thân năm 2021 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **Lý Công S**. Điều này cũng phù hợp ý kiến của Kiểm sát viên theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*:

- Về con chung: Có 01 con chung **Lý Trung K1** (sinh ngày 07/01/2018). Hiện nay cháu **K1** đang ở với anh **S** nên nghĩ nên giao cháu **Lý Trung K1** cho anh **L** Công Sáng trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh **Lý C** Sáng không yêu cầu chị **Vòng Hôi K** cấp dưỡng nuôi con, xét thấy việc anh **S** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng vẫn đảm bảo không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của con, vì từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh **S** là người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh **S**, không yêu cầu chị **V** Hôi Khênh phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Do không có ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về án phí*: Anh **Lý C** Sáng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **Lý Công S** đối với chị **Vòng Hôi K**. Anh **Lý C** Sáng được ly hôn với chị **Vòng Hôi K**.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

- Về con chung: Giao con chung tên **Lý Trung K1** (sinh ngày 07/01/2018) cho anh **L** Công Sáng trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai được cản trở

quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn của chị **Vòng Hồi K.**

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh **Lý C** Sáng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008596 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình. Anh **Lý C** Sáng đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị **Vòng Hồi K** không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện B.Bình; **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS huyện B.Bình;

- Đương sự;

- UBND xã Hải Ninh;

(Số ĐKKH 49 ngày 07/8/2017)

- Lưu HS, VP.

Lâm Quốc Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bích Lệ

Bá Đình Tâm

Nguyễn Tuấn Anh

